

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2025

"V/v Tranh chấp Ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Mút

Ông Lương Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên hệ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2025 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Phạm Thanh T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông T và bà T1 tự tìm hiểu được 02 năm thì đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới, bắt đầu chung sống như vợ chồng từ tháng 01/2009 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến ngày 25/6/2012 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn về kinh tế, thường xuyên xảy ra cự cãi, bà T1 đi làm xa nên tình cảm ngày càng xa cách vì vậy không thể tiếp tục chung sống được. Hiện nay ông bà đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và cũng không có chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống hàng ngày. Nay ông T yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với bà T1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có một con chung tên Phạm Thanh T2, sinh ngày 30/9/2011, hiện đang sống chung với bà T1. Khi ly hôn, ông T yêu cầu giao cháu T2 cho bà T1 nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và không bổ sung hay yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Bùi Thị T1 nhận được Thông báo thụ lý vụ án, không có văn bản trả lời không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, bà T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng bà T1 vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo về thời hạn. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T. Cho ông T được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh T2, sinh ngày 30/9/2011 cho bà T1 nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc ông T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại thị xã B được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông T và bà T1 tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 25/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Ông T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, dẫn đến bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi vì vậy ông T yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm với bà T1.

Xét thấy ông T và bà T1 có một khoảng thời gian sống ly thân. Trong khoảng thời gian này, ông T xác định ông bà không còn quan tâm, chăm sóc và thăm hỏi nhau. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà T1 tham gia hòa giải nhiều lần để các bên tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng bà T1 không tham dự và cũng không trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu xin ly hôn của ông T do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông T xác định ông bà có 01 con chung tên Phạm Thanh T2, sinh ngày 30/9/2011. Ông T yêu cầu giao con chung cho bà T1 nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét điều kiện nuôi con: Xét thấy, từ khi ông bà sống ly thân thì cháu T2 do bà T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Tại phiên tòa ông T trình bày, các lần đến thăm con thì cháu T2 phát triển tốt, bà T1 và gia đình tạo điều kiện thăm con, ngoài ra bà T1 được Tòa án thông báo đối với yêu cầu giao cháu T2 cho bà T1 nuôi dưỡng nhưng bà T1 không có ý kiến đối với yêu cầu này. Do đó, để đảm bảo về chỗ ở ổn định, học tập, vui chơi, để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu

T2 vì vậy chấp nhận yêu cầu của ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, bà T1 đã được Tòa án thông báo về yêu cầu giao con chung nhưng không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét quan điểm trình bày của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Thanh T. Cho ông Phạm Thanh T được ly hôn với bà Bùi Thị T1.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh T2, sinh ngày 30/9/2011 cho bà T1 nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc ông Phạm Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông T được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 03/4/2025 theo biên lai thu số N₀ 0005565 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh thành tiền án phí. Ông T đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Vĩnh Long;
- Viện Kiểm sát thị xã Bình Minh;
- Thi hành án thị xã Bình Minh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trương Minh Trường

